



PHỤ 01
MỤC TIÊU CHỦ THỂ VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
PHỤ SÁNG TẠO NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số. 52/KH-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mục tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
I	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ			
1	Các nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo yêu cầu thực tế được cơ quan nhà nước, địa phương và doanh nghiệp tiếp nhận hoặc ứng dụng ngay từ khâu phê duyệt	100%	Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Nhiệm vụ KHCN và ĐMST sử dụng ngân sách nhà nước được triển khai theo cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KHCN	≥ 70%	Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Các nhiệm vụ KHCN và ĐMST sử dụng ngân sách nhà nước được triển khai theo cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KHCN có đồng tài trợ từ doanh nghiệp/địa phương và cam kết đầu ra (hợp đồng/đơn hàng/lộ trình áp dụng).	≥ 10%	Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh có kế hoạch triển khai ứng dụng/thương mại hóa và chỉ tiêu đo lường (hiệu quả, phạm vi áp dụng, thời hạn đưa vào sử dụng) kèm cơ chế theo dõi sau nghiệm thu.	100%	Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Lựa chọn vấn đề lớn, mỗi lĩnh vực 01 vấn đề tương ứng với các lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS để tập trung giải quyết thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST, CDS. Mỗi vấn đề phải có: (i) bài toán; (ii) sản phẩm đầu ra; (iii) chỉ tiêu đo lường; (iv) đơn vị tiếp nhận/ứng dụng; (v) mốc hoàn thành theo quý.	3	Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
6	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước mở mới được quản lý, theo dõi trên nền tảng số do Trung ương triển khai dùng chung; cập nhật đầy đủ thông tin về nhiệm vụ gồm: đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, chuyển giao, theo dõi sau nghiệm thu.	100%	Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Thông tin kết quả và tài chính của nhiệm vụ khoa học, công nghệ được minh bạch hóa trên nền tảng số theo quy định; bảo đảm lưu vết, ký số, đối soát tiến độ, giải ngân, sản phẩm.	100%	Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
II	Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ			
1	Tổng chi ngân sách cho KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/Tổng chi ngân sách	$\geq 3\%$	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Tài chính
2	Tỷ lệ chi nghiên cứu phát triển (R&D)/GRDP	$\geq 2\%$	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp	Sở Tài chính
3	Phát triển tổ chức khoa học công nghệ	≥ 2	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh	≥ 3	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Số cán bộ nghiên cứu KH-CN toàn tỉnh	≥ 650	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
III	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo			
1	Số Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	≥ 10	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Chỉ số PII cấp tỉnh	≤ 23	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Số doanh nghiệp/Hợp tác xã/hộ kinh doanh được hỗ trợ chuyển đổi số	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương, HHDN,

STT	Mục tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
				LMHTX và các đơn vị tổ chức, cá nhân có liên quan
4	Số lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng ứng dụng công nghệ số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa/hợp tác xã/hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh	≥5	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương, HHDN, LMHTX và các đơn vị tổ chức, cá nhân có liên quan
5	Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận hàng năm	≥ 30	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Số lượng sáng kiến cấp tỉnh	10	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) hàng năm	10	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
IV	Chuyển đổi số			
	Thực hiện theo Phụ lục I, Kế hoạch 215/KH-UBND ngày 31/12/2025			